

Số: **235** /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày **13** tháng **02** năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng biện pháp chống bán phá giá chính thức đối với một số sản phẩm bàn, ghế từ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và chấm dứt điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm bàn ghế từ Ma-lai-xi-a

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại;

Căn cứ Thông tư số 37/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 2639/QĐ-BCT ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Phòng vệ thương mại;

Căn cứ Quyết định số 2091/QĐ-BCT ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm bàn, ghế có xuất xứ từ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và Ma-lai-xi-a;

Căn cứ Quyết định số 1621/QĐ-BCT ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc gia hạn thời hạn điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm bàn, ghế có xuất xứ từ Ma-lai-xi-a và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa;

Căn cứ Quyết định số 1991/QĐ-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá tạm thời đối với một số sản phẩm bàn, ghế từ Ma-lai-xi-a và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa;

Căn cứ Quyết định số 2958/QĐ-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1991/QĐ-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương áp dụng biện pháp chống bán phá giá tạm thời đối với một số sản phẩm bàn, ghế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức đối với một số sản phẩm bàn, ghế được phân loại theo các mã HS 9401.31.00, 9401.39.00, 9401.41.00, 9401.49.00, 9401.61.00, 9401.69.90, 9401.71.00, 9401.79.90, 9401.80.00, 9403.30.00 từ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (mã vụ việc: AD16). Nội dung chi tiết được nêu tại Thông báo kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chấm dứt điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá và không áp dụng thuế chống bán phá giá đối với một số sản phẩm bàn, ghế từ Ma-lai-xi-a. Nội dung chi tiết được nêu tại Thông báo kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 02 năm 2023.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại và Thủ trưởng các đơn vị, các bên liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TC, NG, TTTT;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Các website: Chính phủ, Bộ Công Thương;
- Tổng cục Hải quan (Cục TXNK, Cục GSQL);
- Các Cục: CN, XNK;
- Các Vụ: AP, ĐB, PC, KHCN;
- Văn phòng BCĐLN HNQT về kinh tế;
- Lưu: VT, PVTM (08).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Quốc Khánh

THÔNG BÁO

**Áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức đối với một số sản phẩm bàn,
ghế từ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số **235** /QĐ-BCT ngày **13** tháng **02** năm 2023 của
Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

1. Hàng hóa bị áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức

Hàng hóa bị áp dụng thuế chống bán phá giá (CBPG) chính thức bao gồm một số sản phẩm bàn, ghế từ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc).

1.1. Sản phẩm bàn

a) Tên gọi và đặc tính cơ bản

Sản phẩm bàn bị áp dụng thuế CBPG chính thức là bàn ở dạng đã được lắp ráp hoàn chỉnh hoặc chưa lắp ráp hoàn chỉnh. Định nghĩa "chưa lắp ráp hoàn chỉnh" nghĩa là các bộ phận của bàn được tách rời và cần phải có quá trình lắp ráp các bộ phận như chân bàn, mặt bàn để tạo ra sản phẩm hoàn chỉnh. Sản phẩm hoàn chỉnh là bàn đã hoặc sẽ được lắp ráp với các bộ phận khác sẵn sàng cho việc sử dụng ngay lập tức hoặc có thể được lắp ghép thêm một số phần như hộc tủ, kệ...

Sản phẩm bàn nói trên có các đặc điểm sau:

- Mặt bàn được làm bằng gỗ MDF, HDF, LDF, Plywood, ván dăm (gỗ công nghiệp), bề mặt phủ melanin, dán giấy, phủ véc-ni hoặc laminate.

- Chân bàn được làm bằng gỗ công nghiệp hoặc kim loại.

- Bàn có kích thước như sau:

- Chiều dài: từ 990mm đến 3.210mm;
- Chiều rộng: từ 590mm đến 1.410mm;
- Độ dày mặt bàn (bao gồm lớp phủ): từ 12mm đến 85mm.
- Chiều cao từ mặt đất đến mặt trên của mặt bàn: từ 675mm đến 770mm.



Đối với dạng bàn ghép, bàn module, kích thước trên được áp dụng cho phần bàn đơn trước khi ghép lại.

b) Mã số hàng hóa (Mã HS) và mức thuế nhập khẩu hiện hành

Sản phẩm bàn bị áp dụng thuế CBPG chính thức được phân loại theo mã HS sau: 9403.30.00.

Mã số	Mô tả hàng hoá	Thuế ưu đãi	ATIGA	ACFTA
94.03	Đồ nội thất khác và các bộ phận của chúng.			
9403.30.00	- Đồ nội thất bằng gỗ được sử dụng trong văn phòng	25%	0%	20%

Bộ Công Thương có thể sửa đổi, bổ sung danh sách các mã HS của hàng hoá bị áp dụng thuế CBPG chính thức để phù hợp với mô tả hàng hoá bị điều tra và các thay đổi khác (nếu có).

c) Hàng hóa được loại trừ áp dụng thuế CBPG chính thức

Sản phẩm bàn thỏa mãn một trong các điều kiện sau đây được loại trừ khỏi phạm vi áp dụng thuế CBPG chính thức đối với sản phẩm bàn:

- Các sản phẩm bàn có đặc điểm khác với mô tả tại mục phạm vi sản phẩm bàn bị áp dụng biện pháp CBPG

- Bàn có mặt bàn hình tròn;
- Bàn có chân bàn hoặc mặt bàn làm hoàn toàn từ gỗ tự nhiên;
- Bàn có chân bàn hoặc mặt bàn làm hoàn toàn bằng chất liệu nhựa;
- Bàn làm toàn bộ hoặc có ít nhất một bộ phận chính (chân bàn, mặt bàn, khung bàn) làm từ mây, liễu gai, tre hoặc các vật liệu tương tự;
- Bàn có chức năng điều chỉnh độ cao mặt bàn với mức chênh lệch chiều cao cao nhất và thấp nhất tính từ mặt đất đến mặt trên của bàn tối thiểu là 95mm;
- Từng bộ phận riêng lẻ của của bàn mà không phải là nhóm bộ phận được đóng gói kèm với nhau để có thể lắp ghép thành bàn hoàn chỉnh tại chỗ;
- Bàn có kích thước khác với kích thước của sản phẩm bàn đã nêu ở mục 1.1

(a) nói trên.

1.2. Sản phẩm ghế

a) Tên gọi và đặc tính cơ bản

Sản phẩm ghế bị áp dụng thuế CBPG chính thức là ghế quay hoặc không quay, có thể điều chỉnh độ cao hoặc không thể điều chỉnh độ cao, có thể ngả hoặc không thể ngả, có thể hoặc không thể chuyển thành giường, ở dạng lắp ghép hoàn chỉnh hoặc đóng gói thành các bộ phận ghế đi kèm với nhau để lắp ghép tại chỗ.

Đối với sản phẩm ghế không điều chỉnh được độ cao và có mặt ghế cố định: ghế có chiều cao từ mặt đất đến mặt trên của mặt ghế ở vị trí thấp nhất của mặt ghế từ trên 450mm đến dưới 600mm.

Đối với sản phẩm ghế có mặt ghế không cố định (tự động lật lại khi không sử dụng): ghế có chiều cao từ mặt đất đến mặt trên của mặt ghế ở vị trí thấp nhất của mặt ghế trong trạng thái sử dụng từ trên 450mm đến dưới 600mm.

b) Mã số hàng hóa (Mã HS) và mức thuế nhập khẩu hiện hành

Sản phẩm ghế bị áp dụng thuế CBPG chính thức được phân loại theo mã HS sau: 9401.31.00, 9401.39.00, 9401.41.00, 9401.49.00, 9401.61.00, 9401.69.90, 9401.71.00, 9401.79.90, 9401.80.00.

Bộ Công Thương có thể sửa đổi, bổ sung danh sách các mã HS của hàng hoá bị áp dụng thuế CBPG chính thức để phù hợp với mô tả hàng hoá bị điều tra và các thay đổi khác (nếu có).

Mã số	Mô tả hàng hoá	Thuế ưu đãi	ATIGA	ACFTA
9401	Ghế ngồi (trừ các loại thuộc nhóm 94.02), có hoặc không chuyển được thành giường, và bộ phận của chúng.			
	- Ghế quay có điều chỉnh độ cao			
9401.31.00	- - Bằng gỗ	25%	0%	5%
9401.39.00	- - Loại khác	25%	0%	5%
	- Ghế có thể chuyển thành giường, trừ ghế trong vườn hoặc đồ cắm trại			
9401.41.00	- - Bằng gỗ	25%	0%	0%
9401.49.00	- - Loại khác	25%	0%	0%

	- Ghế khác, có khung bằng gỗ:			
9401.61.00	- - Đã nhồi đệm	25%	0%	0% ¹
9401.69	- - Loại khác:			
9401.69.90	- - - Loại khác	25%	0%	0% ²
	- Ghế khác, có khung bằng kim loại:			
9401.71.00	- - Đã nhồi đệm	25%	0%	0% ³
9401.79	- - Loại khác:			
9401.79.90	- - - Loại khác	25%	0%	0% ⁴
9401.80.00	- Ghế khác	25%	0%	0% ⁵

Bộ Công Thương có thể sửa đổi, bổ sung danh sách các mã HS của hàng hoá bị áp dụng thuế CBPG chính thức để phù hợp với mô tả hàng hoá bị điều tra và các thay đổi khác (nếu có).

c) Hàng hóa được loại trừ áp dụng thuế CBPG chính thức

Sản phẩm ghế thỏa mãn một trong các điều kiện sau đây được loại trừ khỏi phạm vi áp dụng thuế CBPG chính thức đối với sản phẩm ghế:

- Các sản phẩm ghế có đặc điểm khác với mô tả tại mục phạm vi sản phẩm ghế áp dụng biện pháp CBPG;
- Ghế làm toàn bộ từ các chất liệu nhựa;
- Ghế làm toàn bộ hoặc có ít nhất một bộ phận chính (mặt ghế, ốp dưới mặt ghế, tựa ghế, chân ghế, khung ghế) làm hoàn toàn từ mây, liễu gai, tre hoặc các vật liệu tương tự;
- Ghế có chân ghế làm bằng chất liệu nhôm;
- Từng bộ phận riêng lẻ của của ghế mà không phải là nhóm bộ phận được đóng gói kèm với nhau để có thể lắp ghép thành ghế hoàn chỉnh tại chỗ.
- Ghế có chức năng điều chỉnh độ cao, có chiều cao cao nhất tính từ mặt đất đến mặt trên của mặt ghế (tại điểm thấp nhất của mặt ghế) lớn hơn hoặc bằng 600mm.

¹ Không áp dụng với hàng hóa từ Cam-pu-chia.

² Không áp dụng với hàng hóa từ Cam-pu-chia, Bru-nây.

³ Không áp dụng với hàng hóa từ Cam-pu-chia.

⁴ Không áp dụng với hàng hóa từ Cam-pu-chia.

⁵ Không áp dụng với hàng hóa từ Cam-pu-chia, Bru-nây.

2. Kết luận cuối cùng

Kết luận cuối cùng của Cơ quan điều tra xác định rằng:

(i) có tồn tại hành vi bán phá giá của hàng hóa nhập khẩu bị điều tra từ Trung Quốc và Ma-lai-xi-a;

(ii) lượng hàng hóa bị điều tra bán phá giá nhập khẩu từ Ma-lai-xi-a trong thời kỳ điều tra là không đáng kể (nhỏ hơn 3%) so với tổng lượng nhập khẩu;

(iii) ngành sản xuất trong nước đang chịu thiệt hại đáng kể; và

(iv) có mối quan hệ nhân quả giữa việc nhập khẩu hàng hóa bán phá giá từ Trung Quốc với thiệt hại đáng kể của ngành sản xuất trong nước

Theo đó, Bộ Công Thương quyết định áp thuế CBPG chính thức đối với một số sản phẩm bàn, ghế từ Trung Quốc và chấm dứt điều tra áp dụng biện pháp CBPG đối với một số sản phẩm bàn, ghế từ Ma-lai-xi-a.

3. Mức thuế CBPG chính thức

STT	Tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu	Mức thuế CBPG chính thức
	(Cột 1)	(Cột 2)
SẢN PHẨM BÀN		
1	Tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu hàng hóa từ Trung Quốc	35,20%
SẢN PHẨM GHẾ		
1	Tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu hàng hóa từ Trung Quốc	21,40%

4. Hiệu lực và thời hạn áp dụng thuế CBPG chính thức

a) Hiệu lực

Thuế CBPG chính thức có hiệu lực kể từ ngày Quyết định áp dụng thuế CBPG chính thức có hiệu lực.

b) Thời hạn áp dụng

Thời hạn áp dụng thuế CBPG chính thức là 05 (năm) năm kể từ ngày Quyết định áp dụng thuế CBPG chính thức có hiệu lực (trừ trường hợp được thay đổi, gia hạn theo Quyết định khác của Bộ trưởng Bộ Công Thương).

5. Thủ tục, hồ sơ kiểm tra và áp dụng thuế CBPG chính thức

Để có cơ sở xác định hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng áp dụng thuế CBPG, Cơ quan Hải quan sẽ thực hiện kiểm tra chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa. Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa gồm:

- a) Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O); hoặc
- b) Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa phù hợp với quy định tại:
 - Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương;
 - Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực;
 - Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu;
 - Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ai-len; hoặc
 - Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN.

Nội dung kiểm tra cụ thể như sau:

- Trường hợp 1: Nếu người khai hải quan nộp được chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa từ nước, vùng lãnh thổ khác không phải là Trung Quốc thì không phải nộp thuế CBPG chính thức.
- Trường hợp 2: Các trường hợp còn lại thì áp dụng mức thuế CBPG chính thức như sau:

- + 35,20% đối với sản phẩm bàn;
- + 21,40% đối với sản phẩm ghế.

6. Hoàn thuế chống bán phá giá tạm thời

Các tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa không thuộc diện áp thuế CBPG chính thức theo Quyết định này được hoàn lại thuế CBPG tạm thời đã nộp theo Quyết định số 1991/QĐ-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2022 và Quyết định số 2958/QĐ-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2022 trên cơ sở quy định pháp luật.

7. Trình tự thủ tục tiếp theo của vụ việc

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 16 Thông tư số 37/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, Cơ quan điều tra sẽ thông báo về

việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị miễn trừ sau khi Bộ Công Thương ban hành quyết định áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại chính thức.